

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 15/2020/DS - ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2020
“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Thành Nam và bà Nguyễn Thị Huân.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2020/TLST – DS ngày 19 tháng 5 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Đào Xuân Đ, sinh năm 1989 và chị Dương Thị A, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

(Có mặt bà M. Vắng mặt anh Đ, chị A và ông K).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 01 năm 2020, trong quá trình xét xử bà Trần Thị M là nguyên đơn trình bày:

Bà và vợ chồng anh Đào Xuân Đ và chị Dương Thị A là người cùng xóm, ngày 20/02/2017 bà có cho vợ chồng anh Đ, chị A vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) để vợ chồng anh Đ, chị A kinh doanh. Khi vay thì cả anh Đ và chị A là người trực tiếp nhận tiền và ký giấy nhận nợ với bà. Số tiền bà cho vợ chồng anh Đ, chị A vay là tiền riêng của bà không liên quan gì đến tài sản chung của gia đình bà.

Tại phiên tòa bà M xác định, hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 1,4%/tháng bằng miệng không ghi vào giấy tờ nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng đến ngày 20/8/2017 thì vợ chồng anh Đ chị A phải trả cho bà cả tiền gốc và tiền lãi.

Quá trình trả nợ, vợ chồng anh Đ, chị A đã trả cho bà tổng cộng được 13 tháng tiền lãi mỗi tháng 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Tổng số tiền lãi mà vợ chồng anh Đ chị A đã trả cho bà là 91.000.000 đồng (Chín mươi một triệu đồng). Từ tháng thứ 14 (kể từ ngày vay 20/3/2018) cho đến nay, vợ chồng anh Đ chị A không trả lãi cho bà, nhiều lần bà đã đến nhà anh Đ chị A đòi nợ nhưng vợ chồng anh Đ chị A không trả nợ tiền gốc và tiền lãi cho bà như đã thỏa thuận. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Đ chị A phải trả nợ cho bà 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2018 cho đến khi trả xong nợ.

Tại phiên tòa, bà M yêu cầu Tòa án buộc anh Đ, chị A trả nợ tiền lãi cho bà kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2018 cho đến ngày Tòa án xét xử sở thẩm theo mức lãi suất Ngân hàng cho vay vào thời điểm bà cho anh Đ chị A vay là 1%/tháng bằng 149.000.000đ (Một trăm bốn mươi chín triệu đồng).

Bà không yêu cầu Tòa án tính lại lãi suất đối với số tiền 91.000.000 đồng (Chín mươi một triệu đồng) anh Đ, chị A đã trả lãi cho bà.

Bị đơn là anh Đào Xuân Đ và chị Dương Thị A, trong quá trình giải quyết vụ án đã trình bày như sau:

Số tiền vay và số tiền đã trả, anh chị thừa nhận như lời trình bày của bà M ở trên là đúng. Khi vay tiền, anh chị là người trực tiếp nhận tiền và ghi giấy vay tiền với bà M. Hai bên thỏa thuận, thời hạn vay là 06 tháng, thời hạn trả nợ tiền gốc và tiền lãi là ngày 20/08/2017. Anh chị thừa nhận, trong giấy nhận nợ, anh chị và bà M không thỏa thuận lãi suất nhưng trên thực tế, hai bên thỏa thuận bằng miệng lãi suất tiền vay là 1,5%/tháng.

Quá trình trả nợ, anh chị đã trả cho bà M được 13 tháng tiền lãi, mỗi tháng là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), tổng cộng anh chị đã trả cho bà M được 91.000.000đ (Chín mươi một triệu đồng) tiền lãi, anh chị chưa trả nợ cho bà M được khoản tiền gốc nào.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu anh chị phải trả nợ cho bà M số tiền 500.000.000đ tiền nợ gốc và tiền lãi tính từ tháng 4/2018 cho đến khi trả nợ xong, theo mức lãi suất là 1%/tháng. Anh chị đồng ý, hiện tại, hoàn cảnh kinh tế của gia đình anh chị rất khó khăn nên anh chị đề nghị bà M cho anh chị được trả dần số tiền nợ gốc trong thời gian 05 năm. Mỗi năm anh chị trả 100.000.000 đồng tiền nợ gốc và kèm theo tiền lãi trên số tiền trả nợ gốc.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác đều chấp hành đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự ; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M. Buộc anh Đào Xuân Đ và chị Dương Thị A có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị M số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và 149.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu đồng) tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả kể từ ngày 01/4/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2020).

Kể từ khi bản án cho hiệu lực pháp luật, bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đ chị A không trả được nợ cho bà M thì anh Đ, chị A còn phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Anh Đ, chị A phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị M khởi kiện yêu cầu anh Đào Xuân Đ và chị Dương Thị A trả số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 20/02/2017, thời hạn trả nợ theo thỏa thuận là 06 tháng kể từ ngày 20/02/2017 đến ngày 20/8/2017. Do vậy cần xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Hiện tại anh Đ, chị A đang ở tại thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Đào Xuân Đ và chị Dương Thị A là bị đơn trong vụ án có đơn xin giải quyết vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ, chị A.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Nguyên đơn là bà M yêu cầu anh Đ, chị A là bị đơn phải trả nợ cho bà M

số tiền gốc đã vay là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ, chị A là bị đơn đều thừa nhận, anh chị có vay của bà M số tiền như lời trình bày của bà M ở trên là đúng. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định rằng anh Đ, chị A có vay tiền của bà M với tổng số tiền gốc là 500.000.000đ đến nay vẫn chưa trả là có thật. Tại phiên tòa bà M xác định, nguồn gốc số tiền bà M cho vợ chồng anh Đ, chị A vay là tiền riêng của bà M không liên quan gì đến ông Đào Đình Khải là chồng bà M. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lấy lời khai của ông K, tại bản tự khai của ông K ngày 22/6/2020, ông K xác định. Số tiền bà M cho vợ chồng anh Đ chị A vay là tiền riêng của bà M không liên quan gì đến ông K. Do vậy, việc bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Đ, chị A phải trả nợ cho bà M số tiền vay 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

[2.1]. Về số tiền lãi đã trả: Tại giấy vay tiền, mặc dù hai bên không thể hiện khoản vay nợ của anh Đ chị A là khoản tiền vay có lãi suất nhưng quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thừa nhận. Khoản vay nợ giữa bà M và vợ chồng anh Đ chị A là khoản tiền vay nợ có thỏa thuận lãi suất, việc thỏa thuận lãi suất được các bên thể hiện bằng miệng, với mức lãi suất là 1,5%/tháng (tương ứng là 18%/năm). Hơn nữa, việc thỏa thuận lãi suất đã được hiện bằng số tiền anh Đ, chị A đã trả cho bà M là 91.000.000đ.

Tại phiên tòa bà M xác định, bà cho anh Đ, chị A vay tiền với lãi suất 1,4%/tháng; quá trình giải quyết vụ án, anh Đ chị A trình bày, anh chị đã trả tiền lãi cho bà M theo mức lãi suất 1,5%/tháng. Căn cứ vào số tiền lãi anh Đ, chị A đã trả cho bà M thì trong khoảng thời gian từ ngày 20/02/2017 đến ngày 20/8/2017 là khoảng thời hạn vay theo giấy vay tiền. Anh Đ, chị A đã trả cho bà tiền lãi mỗi tháng 7.000.000 đồng, theo công thức tính lãi suất = $7.000.000đ : 500.000.000đ \times 100$) thì số tiền lãi trên tương ứng với mức lãi suất là 1,4%/tháng. Do vậy lời trình bày của bà M tại phiên tòa thể hiện cho anh Đ, chị A vay tiền với lãi suất 1,4%/tháng là có cơ sở.

Các bên đương sự không ai yêu cầu Tòa án tính lại lãi suất đối với số tiền lãi đã trả là 91.000.000đ. Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự quy định về việc thỏa thuận lãi suất thì số tiền lãi 7.000.000đ/01tháng, anh Đ, chị A đã trả cho bà M từ ngày 21/8/2017 đến hết tháng 3/2018 tương ứng với mức lãi suất 1,4%/tháng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.2]. Về yêu cầu lãi suất: Tại phiên tòa, bà M yêu cầu Tòa án buộc anh Đ, chị A trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả (500.000.000đ) kể từ ngày

01/4/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2020) theo mức lãi suất 01%/tháng bằng 149.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu đồng), trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ chị A đồng ý. Xét thấy, yêu cầu trên của bà M là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Từ những phân tích trên, buộc anh Đào Văn Định và chị Dương Thị A phải trả cho bà Trần Thị M tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 25/9/2020 là 649.000.000đ (Sáu trăm bốn mươi chín triệu đồng); trong đó tiền nợ gốc là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), tiền lãi phát sinh là 149.000.000đ (Một trăm bốn mươi chín triệu đồng).

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền được Tòa án chấp nhận là $20.000.000đ + (649.000.000đ - 400.000.000đ) \times 4\% = 29.960.000đ$ (Hai mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì vậy quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M. Buộc anh Đào Xuân Đ và chị Dương Thị A phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Trần Thị M tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 25/9/2020 là 649.000.000đ (Sáu trăm bốn mươi chín triệu đồng); trong đó tiền nợ gốc là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), tiền lãi phát sinh là 149.000.000đ (Một trăm bốn mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Trần Thị M có đơn đề nghị thi hành án đối với số tiền anh Đào Xuân Đ, chị Dương Thị A phải thi hành án; nếu anh Đ, chị A chưa trả nợ, thì hàng tháng anh Đ, chị A còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành án xong.

2/ Về án phí: Anh Đào Xuân Đ và chị Dương Thị A phải chịu 29.960.000đ (Hai mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại 17.791.800đ (Mười bảy triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn, tám trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số: 0005695 ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Hạnh